

BẢNG TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG NGHỊ ĐỊNH 103/2026/NĐ-CP

1. Danh mục từ viết tắt

STT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	GCNĐKĐT	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
2	GCNĐKĐTRNN	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
3	GCNĐTRNN	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài
4	DAĐTRNN	Dự án đầu tư ra nước ngoài
5	CQNN	Cơ quan nhà nước
6	BTC	Bộ Tài chính
7	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
8	UBND	Ủy ban nhân dân

2. Tóm tắt một số nội dung Nghị định 103/2026/NĐ-CP

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Vị trí
1	Phạm vi điều chỉnh	Quy định về ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện; việc cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN; trình tự, thủ tục triển khai và chế độ báo cáo hoạt động đầu tư ra nước ngoài, hướng dẫn thi hành pháp luật, quản lý nhà nước đối với hoạt động	Điều 1

		đầu tư ra nước ngoài nhằm mục đích kinh doanh. Không áp dụng đối với: (1) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua, bán chứng khoán, giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài; (2) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.	
2	Đối tượng áp dụng	- Nhà đầu tư và CQNN có thẩm quyền; - Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Điều 2
3	Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đầu tư ra nước ngoài	- Hồ sơ, văn bản, báo cáo gửi CQNN Việt Nam phải bằng tiếng Việt. - Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt. - Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ làm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đầu tư. - Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch, bản sao và sự khác biệt ngôn ngữ.	Điều 4
4	Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài	1. Doanh nghiệp; 2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; 3. Tổ chức tín dụng; 4. Hộ kinh doanh; 5. Cá nhân mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; 6. Các tổ chức khác theo quy định pháp luật Việt Nam.	Điều 5
5	Vốn đầu tư ra nước ngoài	- Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài gồm (1) Nguồn vốn (vốn chủ sở hữu, vay tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài, lợi nhuận giữ lại từ DAĐTRNN); (2) Tiền và tài sản hợp pháp khác (ngoại tệ, Đồng Việt Nam, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa thành phẩm, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, quyền đối với tài sản, phần vốn góp được hoán đổi...)	Điều 6

		- Vốn được sử dụng để: góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp, cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay, thực hiện bảo lãnh; khoản vốn thu hồi về nước không tính vào vốn đã chuyển ra nước ngoài, không tính vào hạn mức vốn đầu tư ra nước ngoài. - Nhà đầu tư Việt Nam được sử dụng lợi nhuận của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để thanh toán hoặc hoán đổi khi mua cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án đầu tư của tổ chức kinh tế ở nước ngoài. - Thời điểm xác định tỷ giá tại thời điểm lập hồ sơ dự án	
6	Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài	- Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, chỉ yêu cầu đúng thành phần hồ sơ theo quy định; Nếu cần bổ sung phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, nhà đầu tư bổ sung trong tối đa 2 tháng. - Thời gian sửa đổi, bổ sung, giải trình và xử lý vi phạm hành chính (nếu có) không được tính vào thời gian giải quyết. - Trường hợp từ chối, BTC thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do. - Hồ sơ bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy; nếu có sự khác nhau giữa hồ sơ bản giấy và bản điện tử, nội dung hồ sơ bản giấy có giá trị pháp lý cuối cùng. Trách nhiệm công khai phương thức tiếp nhận bản điện tử thuộc về BTC. - Hình thức nộp hồ sơ: trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích	Điều 7
7	Xử lý hồ sơ giả mạo	- Khi phát hiện có giả mạo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nhà đầu tư phải giải trình trong 15 ngày. - Nếu phát hiện hồ sơ giả mạo trong quá trình xử lý, cơ quan tiếp nhận dừng, từ chối giải quyết hồ sơ (nhà đầu tư không giải trình hoặc giải trình không thỏa đáng); - Nếu phát hiện hồ sơ giả mạo sau khi cấp phép, cơ quan tiếp nhận hủy bỏ hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần GCNĐKĐTRNN và văn bản liên quan. - Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm pháp lý và bồi thường thiệt hại; cơ quan có thẩm quyền khôi phục hồ sơ hợp lệ gần nhất để xử lý.	Điều 8

8	Mã số DADTRNN	- Mỗi dự án được cấp một mã số dự án đầu tư duy nhất (09 chữ số) do hệ thống quốc gia tự động tạo (4 số năm + 5 số tăng dần theo cấp tỉnh tiến từ số 00001 trở đi), được ghi tại GCNĐKĐTRNN, dùng thống nhất để quản lý và không thay đổi trong suốt quá trình hoạt động. - Dự án thực hiện theo Giấy phép đầu tư, GCNĐTRNN hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác sử dụng số giấy phép đầu tư/GCNĐTRNN/giấy tờ tương đương khác làm mã số; - Dự án không thuộc diện cấp GCNĐKĐT sử dụng mã số hồ sơ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư	Điều 9
9	Điều kiện đầu tư ra nước ngoài	1. Phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 38 Luật Đầu tư. 2. Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư và đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện. 3. Có quyết định đầu tư ra nước ngoài. 4. Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư. 5. Đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngoài các điều kiện trên, phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Sử dụng nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu để đầu tư ra nước ngoài, trong đó không bao gồm phần vốn góp để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam; b) Có kết quả hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm đăng ký đầu tư ra nước ngoài, được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có); c) Nếu sử dụng vốn góp tăng thêm để đầu tư ra nước ngoài thì phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN trước, sau đó thực hiện thủ tục tăng vốn và góp đủ vốn điều lệ tại Việt Nam trước khi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.	Điều 15

10	Nội dung GCNĐKĐTRNN	- Mã số dự án đầu tư. - Nhà đầu tư. - Tên dự án đầu tư, tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài (nếu có). - Mục tiêu dự án, trong đó có mục tiêu chính và mục tiêu khác. - Địa điểm đầu tư đối với các dự án đầu tư yêu cầu phải có địa điểm đầu tư. - Hình thức đầu tư, vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn đầu tư, tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài. - Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư. - Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (nếu có).	Điều 16
11	Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực của GCNĐKĐTRNN	- BTC có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, chấm dứt Giấy chứng nhận đối với dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài ≥ 7 tỷ đồng hoặc thuộc ngành có điều kiện (trừ trường hợp miễn tại Điều 18 Nghị định này). - Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài ≥ 1.600 tỷ đồng hoặc có cơ chế chính sách hỗ trợ đặc biệt phải được Thủ tướng chấp thuận trước khi cấp/điều chỉnh. - Dự án đã được Thủ tướng chấp thuận khi điều chỉnh không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận lại nếu không làm thay đổi mục tiêu, quy mô chính (ví dụ: thay đổi địa điểm trong cùng nước, tăng vốn $\leq 10\%$, tái đầu tư lợi nhuận, giảm vốn đầu tư ra nước ngoài để chuyển vốn về nước).	Điều 17
12	Dự án không phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN	- Các DAĐTRNN không phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN: - Vốn đầu tư ra nước ngoài < 7 tỷ và không thuộc ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện; - Gắn với quốc phòng, an ninh theo thỏa thuận; - Của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc danh mục các tập đoàn, tổng công ty nhà nước quy định tại Phụ lục I của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP - Của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tổ chức kinh tế khác khi đáp ứng các điều kiện: doanh nghiệp quy mô lớn; sử dụng ngoại tệ tự có khi chuyển vốn đầu tư bằng ngoại tệ (không vay); có lãi 02 năm liên tiếp; có ít nhất 02 DAĐTRNN đã	Điều 18

		chuyên lợi nhuận về nước. - Nhà đầu tư chỉ cần đăng ký giao dịch ngoại hối và kê khai trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư để được cấp mã số khai hồ sơ tự động; nếu dự án thay đổi làm vượt ngưỡng hoặc nhà đầu tư tại trường hợp (1), (3) có nhu cầu thì thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN. - NHNN Việt Nam quản lý, có thể lấy ý kiến cơ quan liên quan, hướng dẫn chi tiết thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối.	
13	Hồ sơ cấp GCNĐKĐT đối với dự án thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	1. Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài (bản chính). 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao hợp lệ). 3. Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: hình thức, mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; xác định sơ bộ vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án, các giai đoạn đầu tư (nếu có); phân tích sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án (bản chính). 4. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao hợp lệ). 5. Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài đối với dự án phải có địa điểm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này (bản sao hợp lệ). 6. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện phải có tài liệu xác định hình thức đầu tư theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này (bản sao hợp lệ). 7. Cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép. Trường hợp nhà đầu tư nộp văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ thì nộp kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản bằng ngoại tệ của nhà đầu tư (bản chính). 8. Quyết định về việc đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 14 Nghị định này (bản	Điều 19

		chính). 9. Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư (bản chính hoặc bản sao hợp lệ). 10. Báo cáo về việc cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay gồm các nội dung: tên bên vay; tổng số tiền cho vay; mục đích, điều kiện cho vay; kế hoạch giải ngân; kế hoạch thu hồi nợ; biện pháp bảo đảm tài sản và phương thức xử lý tài sản bảo đảm (nếu có); phương án cân đối nguồn ngoại tệ để thực hiện cho vay; đánh giá khả năng tài chính của bên vay; mức độ rủi ro và dự kiến các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với khoản cho vay đối với trường hợp DAĐTRNN có nội dung nhà đầu tư cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án đầu tư (bản chính). 11. Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh đối với trường hợp DAĐTRNN có nội dung nhà đầu tư bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án đầu tư (bản sao hợp lệ). 12. Đối với trường hợp đầu tư theo hình thức quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này, nhà đầu tư nộp tài liệu liên quan đến giao dịch hoán đổi, bao gồm thỏa thuận hoặc hợp đồng và tài liệu xác định giá trị giao dịch (bản sao hợp lệ). 13. Đối với DAĐTRNN trong các ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản của CQNN có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (bản sao hợp lệ). 14. Các tài liệu khác có liên quan.	
14	Trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT đối với dự án thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	- Nhà đầu tư kê khai thông tin Hồ sơ đề nghị cấp GCNĐKĐTRNN trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và nộp 01 bộ hồ sơ gốc và kèm theo bản điện tử của hồ sơ cho BTC. Hồ sơ được BTC tiếp nhận khi có đủ đầu mục tài liệu và số lượng theo quy định. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, BTC gửi hồ sơ lấy ý kiến của CQNN có liên quan. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của BTC, cơ	Điều 19

		quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung thuộc thẩm quyền quản lý. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan liên quan, BTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận dự án. Báo cáo gồm các nội dung sau đây: (1) Việc đáp ứng điều kiện cấp GCNĐKĐTRNN; (2) Tư cách pháp lý của nhà đầu tư; (3) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư; (4) Vốn đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn đầu tư, năng lực tài chính của nhà đầu tư; (5) Việc áp dụng cơ chế chính sách hỗ trợ đặc biệt (nếu có). - Trong quá trình xử lý hồ sơ, nếu có nội dung cần làm rõ, BTC có văn bản thông báo cho nhà đầu tư. Sau khi đã giải trình, bổ sung mà dự án không đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ, BTC thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc từ chối cấp GCNĐKĐTRNN và nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của BTC, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận dự án. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, BTC cấp GCNĐKĐTRNN cho nhà đầu tư, đồng thời sao gửi NHNN Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú, cơ quan thuế nơi xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà đầu tư (nếu có). - Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận DADTRNN: BTC gửi nhà đầu tư văn bản thông báo từ chối cấp GCNĐKĐTRNN và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản nêu ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.	
15	Hồ sơ điều chỉnh GCNĐKĐTRNN	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh GCNĐKĐTRNN (bản chính); 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư trong trường hợp thông tin về nhà đầu tư có thay đổi so với hồ sơ cấp, điều chỉnh GCNĐKĐTRNN lần gần nhất (bản sao hợp lệ);	Điều 21

		3. Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh GCNĐKĐTRNN (bản chính); 4. Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này (bản chính); 5. Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao hợp lệ); 6. Các tài liệu khác có liên quan.	
16	Trình tự, thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐTRNN	- Nhà đầu tư kê khai thông tin Hồ sơ đề nghị điều chỉnh GCNĐKĐTRNN trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và nộp 01 bộ hồ sơ gốc và bản điện tử của hồ sơ cho BTC. Hồ sơ được tiếp nhận khi có đủ đầu mục tài liệu và số lượng; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, BTC gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan liên quan; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình hoặc nội dung được phân công gửi BTC; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, BTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận; - Trong quá trình xử lý, nếu có nội dung cần làm rõ, BTC có văn bản thông báo cho nhà đầu tư. Sau khi đã giải trình, bổ sung mà dự án không đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ, BTC thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc từ chối điều chỉnh GCNĐKĐTRNN và nêu rõ lý do; 6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của BTC, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận việc điều chỉnh dự án; 7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, BTC điều chỉnh GCNĐKĐTRNN, đồng thời sao gửi NHNN Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Điều 21

		nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú, cơ quan thuế nơi xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà đầu tư (nếu có); 8. Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận điều chỉnh: BTC gửi văn bản thông báo từ chối điều chỉnh GCNĐKĐTNN và nêu rõ lý do cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản nêu ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, .	
17	Hồ sơ cấp GCNĐKĐT đối với dự án không thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	1. Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài (bản chính); 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao hợp lệ); 3. Quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 14 Nghị định này (bản chính); 4. Xác nhận của cơ quan thuế về việc nhà đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ thuế (bản chính hoặc bản sao hợp lệ); 5. Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài đối với dự án thuộc diện phải xác định địa điểm theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này (bản sao hợp lệ); 6. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 13 của Nghị định này (bản sao hợp lệ); 7. Trường hợp đầu tư theo hình thức quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này, nhà đầu tư nộp tài liệu liên quan đến giao dịch hoán đổi, bao gồm thỏa thuận hoặc hợp đồng và tài liệu xác định giá trị giao dịch (bản sao hợp lệ); 8. Đối với DADTRNN trong các ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản chấp thuận của CQNN có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật (bản sao hợp lệ).	Điều 22
18	Trình tự, thủ tục cấp GCNĐKĐT đối với dự án không thuộc diện báo cáo Thủ tướng	- Nhà đầu tư kê khai thông tin Hồ sơ đề nghị cấp GCNĐKĐTNN trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và nộp 01 bộ hồ sơ gốc và kèm theo bản điện tử của hồ sơ cho BTC. Hồ sơ được BTC tiếp nhận khi có đủ đầu mục tài liệu và số lượng theo quy định; - Dự án có vốn đầu tư ra nước ngoài ≥ 25 tỷ đồng: BTC lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về ngoại hối thuộc NHNN Việt Nam bằng văn bản. Trong thời hạn 07 ngày làm	Điều 22

	Chính phủ chấp thuận	việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, NHNN Việt Nam có văn bản trả lời BTC về tình hình vốn đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐKĐTRNN; việc nhà đầu tư đáp ứng điều kiện chuyển tiền theo quy định của pháp luật; vấn đề vay vốn, cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay, bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài và các vấn đề liên quan khác; - Hồ sơ có nội dung phải làm rõ: BTC có văn bản thông báo cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - DADTRNN có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay ra nước ngoài hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay: nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. - DADTRNN có ngành, nghề thuộc ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, BTC lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời BTC; - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, BTC cấp GCNĐKĐTRNN cho nhà đầu tư, đồng thời sao gửi NHNN Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú, cơ quan thuế nơi xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà đầu tư (nếu có); - Hồ sơ không hợp lệ hoặc không đáp ứng các điều kiện cấp GCNĐKĐTRNN: BTC có văn bản thông báo từ chối cấp GCNĐKĐTRNN và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.	
19	Điều chỉnh GCNĐKĐTRNN	- Các trường hợp Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐTRNN: (1) Thay đổi nhà đầu tư Việt Nam; (2) Thay đổi hình thức đầu tư; (3) Tăng vốn đầu tư ra nước ngoài; thay đổi nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn đầu tư; (4) Thay đổi địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư yêu cầu phải có địa điểm đầu tư; (5) Thay đổi mục tiêu chính của hoạt động đầu tư ở nước ngoài; (6) Sử dụng lợi nhuận đầu tư ở nước ngoài để tăng vốn đầu tư.	Điều 23

		- Thay đổi các nội dung khác trường hợp trên, nhà đầu tư phải cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. - Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư bị lỗi, không thể cập nhật, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị xác nhận nội dung thay đổi cho Cục Đầu tư nước ngoài, BTC để được xác nhận nội dung thay đổi.	
20	Hồ sơ điều chỉnh GCNĐKĐT RNN đối với dự án không thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh GCNĐKĐT RNN (bản chính); 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư trong trường hợp thông tin về nhà đầu tư có thay đổi so với hồ sơ cấp, điều chỉnh GCNĐKĐT RNN lần gần nhất (bản sao hợp lệ); 3. Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh GCNĐKĐT RNN (bản chính); 4. Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này (bản chính); 5. Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư khi điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc sao hợp lệ); 6. Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 12 của Nghị định này nếu dự án có điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án (bản sao hợp lệ); 7. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 13 của Nghị định này nếu dự án có điều chỉnh hình thức đầu tư ra nước ngoài (bản sao hợp lệ); 8. Đối với DADTRNN trong các ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, nhà đầu tư nộp văn bản chấp thuận của CQNN có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (bản sao hợp lệ); 9. Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh đối với trường hợp DADTRNN có nội dung nhà đầu tư bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án đầu tư (bản sao hợp lệ).	Điều 24

21	Trình tự, thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐTRNN đối với dự án không thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	- Nhà đầu tư kê khai thông tin Hồ sơ đề nghị điều chỉnh GCNĐKĐTRNN trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và nộp 01 bộ hồ sơ gốc và kèm theo bản điện tử của hồ sơ cho BTC. Hồ sơ được tiếp nhận khi có đủ đầu mục tài liệu và số lượng; - BTC lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về ngoại hối thuộc NHNN Việt Nam bằng văn bản. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, NHNN Việt Nam có văn bản trả lời gửi BTC về tình hình vốn đã chuyển ra nước ngoài; việc nhà đầu tư đáp ứng điều kiện chuyển tiền theo quy định của pháp luật; vấn đề vay vốn, cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay, bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài và các vấn đề liên quan khác; - Hồ sơ có nội dung cần phải làm rõ: BTC có văn bản thông báo cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - DẠĐTRNN có nội dung nhà đầu tư cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay: nhà đầu tư thực hiện thủ tục để được chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài hoặc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh; - DẠĐTRNN có ngành, ngành, nghề thuộc ngành, ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện: BTC lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời BTC; - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, BTC điều chỉnh GCNĐKĐTRNN, đồng thời sao gửi NHNN Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú, cơ quan thuế nơi xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà đầu tư (nếu có); - Hồ sơ không hợp lệ hoặc không đáp ứng các điều kiện: BTC có văn bản thông báo từ chối điều chỉnh GCNĐKĐTRNN và nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư.	Điều 24
22	Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trực	- Nhà đầu tư có thể lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đối với dự án không thuộc diện báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và không thuộc ngành có điều kiện - Hồ sơ điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy, phải đầy đủ giấy tờ và nội dung như hồ sơ	Điều 25, 26

	tuyên	bản giấy, có tên tương ứng với tên loại giấy tờ, chính xác và được ký số (nếu có). - Trình tự thực hiện: đăng ký tài khoản, kê khai và tải hồ sơ; BTC kiểm tra, yêu cầu bổ sung (nếu cần) và cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận trong 15 ngày kể từ khi hồ sơ hợp lệ. - Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ nộp trực tuyến.	
23	Trình tự cập nhật thông tin dự án đầu tư ra nước ngoài	- Đối với thay đổi dự án không thuộc diện cấp/điều chỉnh GCNĐKĐTRNN, nhà đầu tư phải cập nhật thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong 01 tháng - Trường hợp hệ thống lỗi, nhà đầu tư có nhu cầu gửi văn bản đề nghị xác nhận thông tin thay đổi, kèm theo các tài liệu liên quan cho Cục Đầu tư nước ngoài, BTC. Văn bản xác nhận nội dung thay đổi được gửi cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị - BTC ghi nhận các nội dung ghi trên GCNĐKĐTRNN đã được nhà đầu tư cập nhật, thay đổi vào GCNĐKĐTRNN điều chỉnh khi nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh.	Điều 27
24	Chấm dứt hoạt động của DẠĐTRNN	- DẠĐTRNN chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây: (1) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; (2) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; (3) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp; (4) Nhà đầu tư chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài; (5) Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày được cấp GCNĐKĐTRNN hoặc cấp xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước và không thực hiện thủ tục điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư; (6) Tổ chức kinh tế ở nước ngoài bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;	Điều 28

		(7) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài. - Sau khi chấm dứt hoạt động đầu tư, nhà đầu tư phải thanh lý dự án theo pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư và trong 12 tháng phải chuyển toàn bộ khoản thu từ việc thanh lý dự án đầu tư về Việt Nam. - Trong vòng 60 ngày kể từ khi hoàn tất thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý, nhà đầu tư: + Thực hiện chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN; + Thông báo bằng văn bản chấm dứt hoạt động đầu tư (nếu không thuộc diện cấp GCNĐKĐTRNN), đồng thời cam kết đã hoàn tất thanh lý và chuyển toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý cho NHNN Việt Nam và BTC.	
25	Hồ sơ chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN	1. Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN (bản chính); 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao hợp lệ); 3. Báo cáo về tình hình thực hiện DAĐTRNN kèm theo báo cáo tài chính hoặc tài liệu có giá trị tương đương của tổ chức kinh tế ở nước ngoài (bản chính); 4. Bản gốc các GCNĐKĐTRNN đã cấp; 5. Quyết định chấm dứt dự án đầu tư tại nước ngoài tương ứng với quy định tại Điều 14 của Nghị định này (bản chính); 6. Tài liệu chứng minh nhà đầu tư đã hoàn thành việc kết thúc, thanh lý dự án và chuyển toàn bộ tiền, tài sản, các khoản thu từ kết thúc, thanh lý dự án về nước (bản sao hợp lệ).	Điều 29
26	Trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN	- Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ gốc và bản điện tử cho BTC. Hồ sơ được tiếp nhận khi có đủ đầu mục tài liệu và số lượng. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, BTC gửi hồ sơ lấy ý kiến NHNN Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, NHNN Việt Nam có văn bản trả lời gửi BTC. - Nếu hồ sơ có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, BTC thông báo cho nhà đầu tư bằng văn bản để hoàn thiện. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, BTC ra quyết định chấm dứt	Điều 29

		hiệu lực và thu hồi GCNĐKĐTRNN gửi nhà đầu tư, đồng thời sao gửi NHNN Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú, cơ quan thuế nơi xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà đầu tư (nếu có). - Chấm dứt DẠĐTRNN theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Nghị định này mà nhà đầu tư không thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN thì BTC chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN gửi nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Nếu nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện DẠĐTRNN thì phải thực hiện thủ tục cấp mới. - Đối với các dự án thuộc diện chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, nhà đầu tư, cơ quan quyết định việc đầu tư ra nước ngoài quyết định việc chấm dứt dự án và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	
27	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên GCNĐKĐTRNN	- GCNĐKĐTRNN bị mất hoặc hỏng: nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị cấp lại GCNĐKĐTRNN kèm theo tài liệu xác định rõ nguyên nhân; BTC cấp lại trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - GCNĐKĐTRNN có sai sót thông tin: nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị hiệu đính; BTC cấp lại GCNĐKĐTRNN đã được hiệu đính trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Điều 30
28	Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài	- Nhà đầu tư được chuyển vốn ra nước ngoài khi đáp ứng: (1) Đã được cấp GCNĐKĐTRNN (nếu thuộc diện), (2) Được nước tiếp nhận chấp thuận/cho phép (hoặc có tài liệu chứng minh quyền đầu tư) (3) Có tài khoản vốn ĐTRNN. - Việc chuyển vốn phải tuân thủ pháp luật. - Nhà đầu tư được chuyển tiền, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐKĐTRNN hoặc xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan để phục vụ hình thành dự án, nhưng không vượt quá 5% tổng vốn ĐTRNN và tối đa 300.000 USD	Điều 32

		được tính vào tổng vốn. - Việc chuyển vốn bằng máy móc, thiết bị và hàng hóa phải thực hiện thủ tục hải quan; NHNN hướng dẫn chi tiết quản lý ngoại hối.	
29	Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài	Nhà đầu tư được giữ lại lợi nhuận ở nước ngoài để tái đầu tư trong các trường hợp: (1) Tiếp tục góp vốn chưa đủ theo đăng ký (2) Tăng vốn đầu tư ở nước ngoài (3) Thực hiện dự án mới ở nước ngoài Trường hợp (1), (2): Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐTRNN Trường hợp (3): Nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN	Điều 33
30	Chuyển lợi nhuận về nước	- Nhà đầu tư phải chuyển lợi nhuận và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam trong 12 tháng, trừ trường hợp được giữ lại để tái đầu tư. - Được phép hoán đổi lợi nhuận được chia với nghĩa vụ phát sinh tại nước ngoài với đối tác đang có hoạt động tại Việt Nam nếu đáp ứng điều kiện: (1) Báo cáo NHNN Việt Nam và BTC (2) Tuân thủ pháp luật (3) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế (4) Không được sử dụng giao dịch hoán đổi để trốn thuế, tránh thuế hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật - Trường hợp chưa chuyển đúng hạn phải thông báo trước bằng văn bản cho BTC và NHNN Việt Nam và được gia hạn tối đa 12 tháng; nếu không thông báo hoặc quá thời hạn được kéo dài mà không thực hiện sẽ bị xử phạt.	Điều 34
31	Thực hiện chế độ báo cáo đầu tư ra nước ngoài	- Sau khi được cấp GCNĐKĐTRNN, nhà đầu tư đăng ký tài khoản và thực hiện báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đúng thời hạn và chính xác. - Thông tin trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư là căn cứ chính - Hoạt động đầu tư qua tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam thực hiện theo pháp luật của nước tiếp nhận và phải báo cáo cơ quan Việt Nam. - Vi phạm chế độ báo cáo bị nhắc nhở, xử phạt, công khai vi phạm và Cơ quan xem xét	Điều 35

		hồ sơ có quyền yêu cầu nhà đầu tư thực hiện chế độ báo cáo khi xem xét, cấp mới, điều chỉnh GCNĐKĐTRNN.	
32	Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan trong quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài	- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài trong phạm vi cả nước; - BTC chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài: + Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, kế hoạch, chính sách về đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; + Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; + Ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; + Hướng dẫn, phổ biến, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư; + Tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; + Cấp, điều chỉnh GCNĐKĐTRNN; + Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế giải quyết vướng mắc của nhà đầu tư, phòng ngừa tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư; + Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; + Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư; + Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; + Quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư và điều phối hoạt động xúc tiến đầu tư tại Việt Nam và ở nước ngoài; + Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư, quản lý và phối hợp quản lý hoạt động đầu tư theo thẩm quyền; + Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền; + Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về đầu tư theo phân công của	Điều 38, 39

		Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. - NHNN quản lý về ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài: + Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; + Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc chuyển vốn đầu tư bằng tiền từ Việt Nam ra nước ngoài; lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp chuyển về Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Nghị định này; + Tổng hợp tình hình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối đối với các dự án không thuộc diện cấp GCNĐKĐTRNN. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm gửi thông tin cho BTC để tổng hợp; + Kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền đối với hoạt động chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài; + Làm đầu mối phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định hướng dẫn, trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú; + Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về tình hình chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài (trước và sau khi được cấp GCNĐKĐTRNN) và tình hình chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài, gửi BTC tổng hợp trước ngày 15 tháng 3 của năm sau năm báo cáo. - Bộ Ngoại giao: + Tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án đầu tư ra nước ngoài khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của BTC, NHNN Việt Nam; + Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với các cơ quan đầu mối liên quan theo dõi và hỗ trợ hoạt động đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư khi cần thiết; hỗ trợ xác minh thông tin hoạt động đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam trên địa bàn quản lý khi có yêu cầu;	
--	--	--	--

		+ Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hỗ trợ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư. - Bộ Công Thương: + Chủ trì, phối hợp việc xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách về thương mại, công nghiệp và năng lượng liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; + Kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền đối với hoạt động thương mại, công nghiệp và năng lượng liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; + Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng. - Bộ Nội vụ: + Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng lao động Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; + Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của BTC, NHNN Việt Nam; + Kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền đối với việc đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các dự án đầu tư ở nước ngoài; + Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các dự án đầu tư ở nước ngoài. - Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh: + Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan; + Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của BTC và NHNN Việt Nam; + Kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực	
--	--	---	--

		quản lý nhà nước được phân công liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; + Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến đầu tư ra nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của mình. - Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài: + Phối hợp với các cơ quan liên quan nắm bắt thông tin và hỗ trợ các nhà đầu tư Việt Nam trong hoạt động đầu tư kinh doanh và việc chấp hành các quy định pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư Việt Nam ở nước ngoài; hỗ trợ, tạo điều kiện và tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư Việt Nam trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ở nước sở tại phù hợp với các quy định của pháp luật; hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư Việt Nam trên địa bàn quản lý khi có yêu cầu; + Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo tình hình hỗ trợ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động đầu tư của Việt Nam tại địa bàn quản lý gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.	
33	Hiệu lực thi hành	- Từ ngày 03 tháng 4 năm 2026 - Thay thế Chương VI quy định về hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	Điều 43
34	Điều khoản chuyển tiếp	- Các hoạt động đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc GCNĐTRNN hoặc có văn bản cho phép đầu tư ra nước ngoài trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động và thực hiện theo quy định của Nghị định này. - Hồ sơ dự án đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 mà chưa được cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN nhưng theo quy định của Nghị định này không thuộc diện phải cấp GCNĐKĐTRNN thì nhà đầu tư không phải làm thủ tục cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN.	Điều 44

		- Nhà đầu tư đã nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN nhưng chưa được trả kết quả thì nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng hồ sơ đã nộp để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN (nếu thuộc diện phải cấp) theo quy định của Nghị định này.	
--	--	---	--